

VỀ vai trò của phụ nữ trong kinh tế hộ gia đình (Trường hợp ở huyện Ba Vì, Hà Nội)

Nguyễn Hồng Linh^(*)

Tóm tắt: Kinh tế hộ gia đình là một kiểu tổ chức đặc thù của sản xuất nông nghiệp và một trong những khía cạnh của nó là phương thức sản xuất gia đình, đó là phân công lao động giới tính. Phân công lao động theo giới gắn liền với các giá trị chuẩn mực xã hội, đặc trưng về văn hóa và thích nghi với những thay đổi của điều kiện gia đình. Khi thực hiện vai trò của mình, phụ nữ và nam giới đều cần phải sử dụng những nguồn lực trong gia đình và cộng đồng, và thụ hưởng lợi ích do bản thân và cộng đồng tạo ra. Trên cơ sở cung cấp thông tin chung về hiện trạng kinh tế hộ tại 3 xã/thị trấn của huyện Ba Vì, Hà Nội, đồng thời phân tích các khía cạnh trong tiếp cận nghiên cứu về vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ, bài viết rút ra một số nhận định, đánh giá về vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình trên địa bàn.

Từ khóa: Ba Vì, Kinh tế hộ gia đình, Sản xuất nông nghiệp, Vai trò của phụ nữ

Ba Vì là huyện thuộc vùng bán sơn địa, nằm về phía Tây Bắc thủ đô Hà Nội, có tổng diện tích 424km², dân số hơn 265 nghìn người (bao gồm 3 dân tộc Kinh, Mường, Dao). Hiện trạng kinh tế hộ tại huyện Ba Vì đã và đang được phát triển dựa trên hướng kinh tế chủ đạo là nông nghiệp, trong đó sự phân công lao động trong gia đình vẫn duy trì theo kiểu truyền thống, phụ nữ làm các công việc nhẹ hơn so với nam giới. Tuy nhiên, vai trò và vị thế của phụ nữ trong gia đình đã phần nào được cải thiện thông qua việc tham gia vào quyết định các công việc lớn của gia đình cũng như công việc sản xuất nông nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Để tìm hiểu

về vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình tại huyện Ba Vì, nhóm nghiên cứu đã tiến hành điều tra chọn mẫu 304 hộ gia đình tại thị trấn Tây Đằng, xã Tiên Phong và xã Ba Vì năm 2016. Trong đó có 153 nam (50,3%) và 151 nữ (49,7%), 100% người trả lời đã kết hôn và hiện vợ chồng vẫn đang chung sống cùng nhau. Dưới đây là một số kết quả chính của nghiên cứu.

1. Vai trò của phụ nữ trong sản xuất nông nghiệp

Sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động trồng trọt

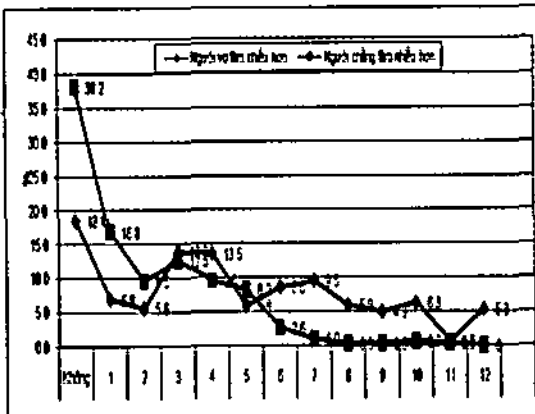
Kết quả điều tra tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, đa số phụ nữ là người tham gia sâu rộng ở hầu hết công đoạn của hoạt động kinh tế quan trọng này của hộ gia

^(*) ThS., Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Lao động - Xã hội; Email: linhhay77@yahoo.com.vn

đình - từ khâu làm đất cho đến thu bán sản phẩm. Trong tổng số 13 công việc liên quan đến hoạt động trồng trọt có tỷ lệ người vợ làm nhiều hơn người chồng chiếm 2/3 (10/13 công việc). Trong đó có 4 công việc, tỷ lệ người vợ làm nhiều hơn chiếm đa số như gieo trồng/cấy (70,5%), bón phân (71,9%), làm cỏ (75,4%), các công đoạn khác như trông nom, tưới tiêu cây trồng cũng do gần một nửa số phụ nữ làm chủ yếu (48,8%, 42,2%), chỉ có 2/13 công việc tỷ lệ người vợ và người chồng làm gần ngang nhau như: phun thuốc trừ sâu và mua sắm, bảo quản phương tiện sản xuất (39,5%, 25,6% và 39,9%, 25,2%).

Trong toàn bộ chu trình của hoạt động trồng trọt, hoạt động trồng cây lâu năm là công việc duy nhất người chồng đảm nhiệm làm nhiều hơn so với người vợ (33,3% - 11,8%). Khi so sánh mức độ đảm nhiệm của người chồng so với người vợ trong hoạt động trồng trọt cho thấy vai trò của người vợ một cách rõ nét. Trong số 12 công việc (không tính loại công việc khác), tỷ lệ người vợ làm nhiều hơn so với người chồng có cách biệt thấp nhất là gần 1.2 lần (khai thác lâm sản) và cao nhất là hơn 14,2 lần (công đoạn làm cỏ), trong đó ở các công đoạn như gieo trồng/cấy, bón phân, bán sản phẩm tỷ lệ này cao hơn từ 8-9 lần.

Biểu đồ 1. So sánh tỷ lệ người làm nhiều hơn tính theo số lượng công việc trồng trọt (%)



Sự tham gia sâu rộng vào hoạt động trồng trọt còn được thể hiện rõ hơn nếu so sánh theo số lượng các công việc của vợ và chồng: chỉ có 18,4% người vợ trong nghiên cứu này không phải là người làm nhiều hơn so với 38,2% người chồng. Người vợ có xu hướng làm nhiều hơn người chồng ở mức từ 6 công việc trở lên (41,2% - 5,3%); hoặc không có người chồng nào làm nhiều hơn người vợ ở cả 12 công việc, trong khi tỷ lệ này ở người vợ là 5,3% (Biểu đồ 1). Tính trung bình mỗi người vợ làm nhiều hơn khoảng 4.2 lần công việc trồng trọt so với 1.9 công việc do người chồng làm.

Tỷ lệ người vợ làm nhiều hơn so với người chồng ở 4 hoạt động nêu trên có xu hướng khá tương đồng ở cả 3 địa bàn nghiên cứu, tuy nhiên ở một số hoạt động ngang bằng hoặc thấp hơn cho thấy một số điểm khác biệt đáng chú ý. Ở hoạt động phun thuốc sâu, mức độ tham gia làm chính của vợ và chồng là gần như nhau, đều có tỷ lệ chung hơn 39%, nhưng tỷ lệ người chồng là người làm chính ở xã Ba Vi và thị trấn Tây Đằng lại cao hơn từ 1,2 đến 2,7 lần so với người vợ (52,4% - 19,4% và 45,1% - 38,5%); ngược lại những người chồng ở xã Tiên Phong có tỷ lệ làm nhiều hơn thấp hơn người vợ đến 3,3 lần (19,5% - 64,4%). Ở hoạt động tưới tiêu, nhìn chung người vợ đảm nhiệm chính cao hơn đáng kể so với người chồng (42,2% - 29,2%) nhưng chỉ người vợ ở xã Tiên Phong đảm nhiệm công việc này cao hơn 6 lần so với người chồng, ở hai địa bàn còn lại người vợ đảm nhiệm thấp hơn so với người chồng. Ở hoạt động chế biến sản phẩm, tập trung chủ yếu ở xã Ba Vi (40/93 hộ) và Thị trấn Tây Đằng (43/93 hộ), có tỷ lệ người vợ tham gia làm nhiều hơn người chồng và tỷ lệ cả hai vợ chồng làm ngang nhau là khá cao (ở Ba Vi là 77,5%); hoặc ở hoạt động khai thác lâm sản tập

trung chủ yếu ở xã Ba Vi chiếm 85% (52/61 hộ) có tỷ lệ người vợ tham gia làm nhiều hơn so với người chồng và tỷ lệ hai vợ chồng làm ngang nhau là 66,3%.

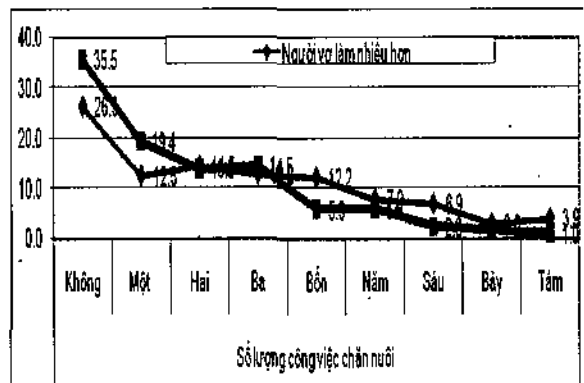
Qua phân tích trên cho thấy, thực trạng tham gia vào hoạt động trồng trọt của phụ nữ ở địa bàn nghiên cứu phản ánh thực tế mô hình phân công lao động sản xuất nông nghiệp vẫn mang màu sắc giới rõ rệt, trong đó phụ nữ đang đóng vai trò là người đảm nhiệm nhiều hơn trong các công đoạn gọi là “việc của đàn bà”, tuy là công việc nhẹ nhàng, phù hợp với phụ nữ, nhưng lại là các công đoạn của toàn bộ hoạt động trồng trọt mà chưa được xã hội đánh giá đúng mức. Mặc dù ở một vài công đoạn tỷ lệ người vợ đảm nhiệm có thấp hơn hoặc ngang bằng với người chồng nhưng tính đến tỷ lệ hai vợ chồng tham gia như nhau cho thấy vai trò của phụ nữ không hoàn toàn thấp hơn. Như vậy, với mức độ tham gia vượt trội của người vợ ở hầu hết công đoạn của hoạt động trồng trọt cho thấy người vợ là người đang nắm giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế hộ gia đình hiện nay.

Sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động chăn nuôi

Kết quả khảo sát tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, trong tổng số 9 công việc của hoạt động chăn nuôi, người vợ làm nhiều hơn ở hầu hết công việc (7/9 công việc). Trong đó, các công việc có tỷ lệ người vợ làm chủ yếu như: mua giống (70,5%), vệ sinh chuồng, trại (50%), chuẩn bị thức ăn cho vật nuôi (49,8%), chăn thả (45,2%), chỉ có 2 công việc phòng/chữa bệnh cho vật nuôi và mua sắm, bảo quản phương tiện sản xuất, người vợ tham gia ở mức “làm nhiều hơn” có thấp hơn so với người chồng (30,6% - 34,2% và 19,8% - 38,6%). Tính trung bình mỗi người vợ làm nhiều hơn khoảng 2,6 công việc chăn nuôi.

So sánh tiếp tỷ lệ người làm nhiều hơn các công việc chăn nuôi giữa vợ và chồng cho thấy, vai trò quan trọng của phụ nữ trong hoạt động kinh tế nông nghiệp. Tỷ lệ người vợ làm nhiều hơn so với người chồng với cách biệt từ 1,2 đến 3 lần, chênh lệch nhiều nhất là ở công việc vệ sinh chuồng, trại (50% - 16,8%). Như vậy, ở hoạt động chăn nuôi, người vợ vẫn là người giữ vai trò làm chủ yếu trong hầu hết công đoạn. Điều này thể hiện rất rõ khi so sánh người làm chủ yếu số lượng công việc chăn nuôi của vợ và chồng: chỉ có 26,3% người vợ không làm nhiều hơn so với 35,5% người chồng. Người vợ cũng có xu hướng làm nhiều hơn ở mức từ 4 công việc trở lên so với người chồng (33,9% và 16,8%) (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2. So sánh tỷ lệ người làm nhiều hơn tính theo số lượng công việc chăn nuôi (%)



Xét theo địa bàn khảo sát cho thấy, xu hướng phụ nữ là người làm chủ yếu ở 4 khâu: mua giống, chuẩn bị thức ăn cho vật nuôi, chăn thả vật nuôi và vệ sinh chuồng, trại. Tuy nhiên, mức độ tham gia giữa vợ và chồng ở một số hoạt động mà tỷ lệ người vợ tham gia ngang bằng hoặc thấp hơn chồng có nét riêng. Ở hoạt động phòng/chữa bệnh cho vật nuôi và mua sắm, bảo quản phương tiện sản xuất, mức độ tham gia làm chính của người vợ thấp hơn người chồng, nhưng ở xã Tiên Phong tỷ lệ người vợ là người làm chính 2 công

việc này lại cao hơn so với người chồng (37,2% - 32,9% và 37% - 21%). Ở hoạt động chế biến sản phẩm, tính chung người vợ làm chính cao hơn đáng kể so với người chồng, ở xã Tiên Phong người vợ làm chính công việc này nhiều nhất, hơn 7 lần so với người chồng (40,3% - 5,2%) nhưng ở xã Ba Vi người vợ lại là nhóm tham gia thấp hơn đáng kể so với người chồng (14,1% - 27,3%) và không có sự khác biệt về tỷ lệ tham gia công việc chế biến sản phẩm giữa vợ và chồng ở thị trấn Tây Đằng.

Có thể nói, nông nghiệp đóng vai trò là ngành kinh tế trụ cột tại 3 địa bàn nghiên cứu với trên dưới 90% số hộ gia đình tham gia vào sản xuất nông nghiệp Bên cạnh đóng góp của các thành viên khác trong gia đình, đặc biệt là người chồng, thì người vợ đang chứng tỏ vai trò chủ chốt của họ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Người vợ tham gia với vai trò là người đảm nhiệm chính các khâu quan trọng của hoạt động sản xuất nông nghiệp, thậm chí đảm nhiệm toàn bộ quá trình sản xuất khi so sánh vai trò là người làm nhiều hơn giữa vợ và chồng theo tỷ lệ tham gia và số lượng các công việc đảm nhiệm. Tuy sản phẩm nông nghiệp và nguồn thu nhập bằng tiền trong hộ gia đình nông thôn đều do người chồng và người vợ cùng tạo ra, nhưng ở nhiều gia đình phụ nữ đang là lao động có đóng góp chính. Nghiên cứu này cũng cho thấy một số điểm khác biệt về sự tham gia của phụ nữ trong nông nghiệp theo địa bàn nghiên cứu, thể hiện vai trò giới trong sản xuất nông nghiệp đang phụ thuộc vào cách thức tổ chức hoạt động của từng gia đình cũng như chịu ảnh hưởng từ đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa ở mỗi địa phương.

2. Vai trò của phụ nữ trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình

Cơ cấu kinh tế hộ gia đình ở địa bàn nghiên cứu đang phát triển theo hướng đa

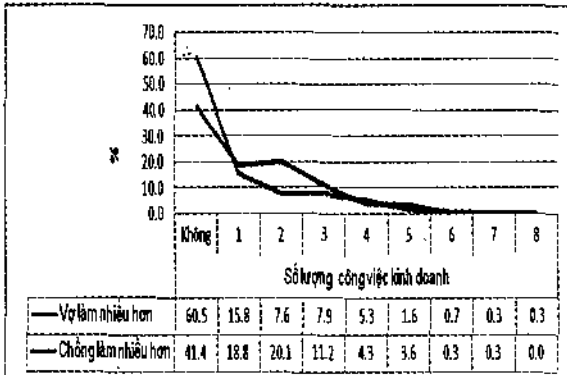
dạng, kết hợp trồng trọt với chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp và kinh doanh dịch vụ, về cơ bản nằm trong định hướng phát triển kinh tế của các địa phương, theo hướng tăng giá trị của lĩnh vực kinh doanh dịch vụ trong cơ cấu kinh tế (Ủy ban nhân dân thị trấn Tây Đằng, xã Tiên Phong và xã Ba Vi, 2015). Nhìn chung, so với nông nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ ở địa bàn nghiên cứu có tỷ trọng thấp hơn. Tỷ lệ hộ gia đình có hoạt động kinh doanh, dịch vụ tương đối hạn chế, khoảng 25% hộ gia đình có buôn bán nhỏ, dịch vụ ăn uống (78/304 hộ) và có dịch vụ cây thuê bằng máy (78/304 hộ), 10% hộ gia đình có làm nghề phụ; các dịch vụ được hộ gia đình tham gia cao nhất là làm thuê trong hoạt động nông nghiệp, vận chuyển hàng hóa, quản lý sản xuất/kinh doanh/dịch vụ hoặc mua sắm, bảo quản phương tiện kinh doanh chiếm khoảng 53% đến 60%.

Vai trò tham gia chủ yếu của người chồng trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình có xu hướng thể hiện rõ hơn so với người vợ ở hoạt động sản xuất nông nghiệp. Trong số 7 hoạt động kinh doanh, dịch vụ chỉ có duy nhất hoạt động “buôn bán nhỏ, dịch vụ ăn uống” do người vợ giữ vai trò là người làm chủ yếu cao hơn đáng kể so với người chồng (44,9% - 17,9), 6 công việc còn lại có tỷ lệ người chồng làm nhiều hơn người vợ như: công việc mua sắm, bảo quản phương tiện kinh doanh (37% - 22,7%), công việc cày bừa thuê bằng máy (48% - 20%), công việc tiểu thủ công như đan, thêu, xây, mộc... (45,2% - 25,8%), công việc vận chuyển hàng hóa, sản phẩm (52,5% - 12,3%), và 65,2% người chồng đi làm thuê như trồng cây lâu năm, làm cỏ so với người vợ là 14% (chênh lệch 4,7 lần).

So sánh tỷ lệ người làm nhiều hơn tính theo số lượng công việc kinh doanh

dịch vụ, có 60,5% người vợ làm nhiều hơn bất cứ một hoạt động kinh doanh nào so với 41,4% là người chồng (Biểu đồ 3). Tính trung bình mỗi người vợ làm gần 1 công việc kinh doanh (0,9) so với 1,3 công việc do người chồng đảm nhiệm.

Biểu đồ 3. So sánh tỷ lệ người làm nhiều hơn tính theo số lượng công việc kinh doanh dịch vụ (%)



Mặc dù sự tham gia của người vợ với vai trò là người làm nhiều hơn vào hoạt động kinh doanh, dịch vụ có phần hạn chế hơn so với hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhưng nếu xét ở mức cả hai vợ chồng làm như nhau có thể khẳng định vai trò của người vợ trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ hoàn toàn không phải là nhỏ so với người chồng. Ngoài ra, tỷ lệ người chồng là người làm chủ yếu ở một số hoạt động kinh doanh, dịch vụ có cao hơn so với người vợ nhưng lại không thể hiện đồng đều ở cả 3 địa bàn nghiên cứu. Nếu xét ở khía cạnh quản lý sản xuất/kinh doanh/dịch vụ, tỷ lệ làm nhiều hơn không có khác biệt giữa vợ và chồng ở xã Ba Vi (trên dưới 21%) nhưng lại có sự khác biệt khá cao ở 2 địa bàn còn lại. Ở thị trấn Tây Đằng, tỷ lệ người chồng làm nhiều hơn ở công việc này cao hơn đáng kể so với người vợ (47,2% - 18,9%), còn ở xã Tiên Phong người vợ lại là người làm nhiều hơn so với người chồng (45,9% - 18%).

Có thể nói, so với hoạt động sản xuất nông nghiệp, vai trò của phụ nữ ở một số

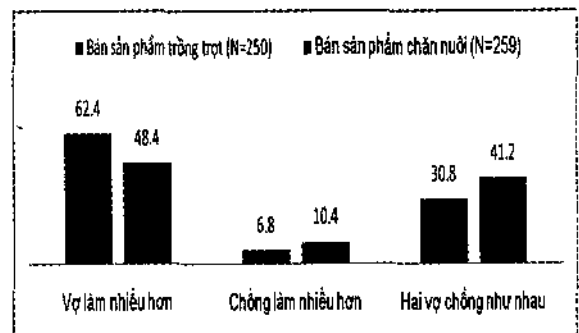
hoạt động kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình có thấp hơn, nhưng họ lại có thể mạnh ở loại hình kinh doanh “buôn bán nhỏ và dịch vụ ăn uống” và hoạt động dịch vụ kinh doanh tại nhà ở cả 3 địa bàn nghiên cứu. Công việc này chủ yếu là do người vợ đảm nhiệm, trong các phiên chợ nông thôn, việc buôn bán nông sản đa số là phụ nữ, đàn ông chỉ chiếm thiểu số.

3. Vai trò của phụ nữ trong quản lý kinh tế hộ gia đình

Sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động bán sản phẩm nông nghiệp

Theo số liệu khảo sát tại địa bàn nghiên cứu, gần 2/3 số người vợ trong hộ gia đình hiện là người làm nhiều hơn người chồng ở khâu bán sản phẩm trồng trọt (62,4% - 6,8%), bán sản phẩm chăn nuôi (48,4% - 10,4%) (Biểu đồ 4). Sự tham gia của phụ nữ ở hoạt động này không có sự khác biệt theo địa bàn nghiên cứu, có nghĩa những người vợ ở cả 3 địa bàn nghiên cứu đóng vai trò chủ chốt trong quản lý sản phẩm đầu ra của hộ gia đình.

Biểu đồ 4: So sánh tỷ lệ người làm nhiều hơn trong hoạt động bán sản phẩm nông nghiệp (%)



Sự tham gia của phụ nữ vào công việc quản lý tài chính

Kết quả điều tra cho thấy, người vợ là người đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động quản lý tài chính nói chung của hộ gia đình, trong đó có quản lý, thu chi liên quan đến hoạt động kinh tế và xu hướng

này thể hiện giống nhau ở cả 3 địa bàn nghiên cứu. Vai trò làm nhiều hơn của người vợ trong hoạt động tính toán thu chi cho sản xuất nông nghiệp đều cao hơn trên dưới 8 lần so với người chồng. Tỷ lệ người vợ làm nhiều hơn người chồng ở công việc quản lý thu, chi hoạt động trồng trọt là 57,7% so với 7,5%, hoạt động chăn nuôi (56,2% - 6,8%), đặc biệt cao ở công việc quản lý chi tiêu trong hộ gia đình, có 2/3 số người vợ là người làm nhiều hơn các công việc này so với chưa đến 1/10 số người chồng (70,6% - 9,2%). Với khoảng trên dưới một nửa số người vợ ở cả 3 địa bàn khảo sát là người nắm giữ nhiều hơn việc thu chi tài chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong gia đình cho thấy mức độ đóng góp và năng lực của người vợ trong hoạt động quản lý và phát triển kinh tế gia đình.

4. Vai trò đóng góp thu nhập của phụ nữ vào kinh tế hộ gia đình

Tại địa bàn khảo sát, sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu kinh tế của gia đình. Năm 2015, tỷ lệ hộ gia đình có nguồn thu từ hoạt động nông nghiệp là rất cao, ví dụ như trồng trọt (93,1%), chăn nuôi gia súc, gia cầm (91,8%), tiếp đến là hoạt động dịch vụ, buôn bán thuốc nam hoặc đi làm thuê - nguồn thu nhập của gần một nửa số hộ gia đình (48,5%), có khoảng 1/3 số hộ gia đình còn có thu nhập từ việc trồng cây lâu năm (29,3%), còn lại có khoảng hơn 1/10 số hộ có nguồn thu ổn định từ lương và phụ cấp (16,8%).

Tổng thu nhập từ các nguồn trên quy ra tiền của hộ gia đình (chưa trừ chi phí) trong năm 2015 từ 9 đến 180 triệu đồng, thu nhập trung bình là khoảng 57 triệu đồng. Số liệu Bảng 1 cho thấy, người vợ có đóng góp vào nguồn thu nhập trong năm của hộ gia đình cao hơn người chồng 1,5 lần (36,2% - 24,7%). Tuy nhiên sự

khác biệt này không thể hiện giống nhau ở cả 3 địa bàn nghiên cứu, trong khi người vợ ở 2 xã Ba Vi và Tiên Phong có tỷ lệ đóng góp thu nhập cao hơn đáng kể so với người chồng thì ở thị trấn Tây Đằng người vợ lại có mức đóng góp thu nhập ngang nhau với người chồng.

Bảng 1: Mức độ đóng góp thu nhập của vợ và chồng vào nguồn thu nhập của hộ gia đình theo địa bàn nghiên cứu (%)

Mức độ đóng góp	Tỷ lệ chung	Địa bàn cư trú		
		Xã Ba Vi	Thị trấn Tây Đằng	Xã Tiên Phong
Vợ đóng góp nhiều hơn	36,2	30,3	29,6	49,5
Chồng đóng góp nhiều hơn	24,7	13,7	28,6	33,0
Hai vợ chồng ngang nhau	39,1	56,0	41,8	17,5
Tổng	100	100	100	100
N	304	109	98	97

Các phân tích trên cho thấy, thu nhập của hộ gia đình là kết quả của sự đóng góp của cả vợ và chồng, trong đó phụ nữ là một trong hai chủ thể có đóng góp chủ yếu vào thu nhập hộ gia đình. Mức độ đóng góp của phụ nữ không thể hiện như nhau ở cả 3 địa bàn nghiên cứu, sự khác biệt này phản ánh tình trạng bất lợi của người phụ nữ trong lĩnh vực lao động việc làm, đặc biệt ở nông thôn, phụ nữ thường hạn chế về trình độ học vấn và chuyên môn, một bộ phận phụ nữ còn chịu ảnh hưởng của gánh nặng chăm sóc con nhỏ và đảm nhiệm công việc nội trợ nên không có thời gian và cơ hội tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động được trả lương.

5. Vai trò của phụ nữ trong việc quyết định các hoạt động kinh tế hộ gia đình

Kết quả khảo sát cho thấy, người vợ nắm vai trò ra quyết định chính ở một số công đoạn của hoạt động kinh tế như lựa chọn giống cây trồng, giống vật nuôi gia cầm, gia súc nhiều hơn người chồng (43,2% - 17,5% và 31,5% - 18,8%). Tuy nhiên, ở loại hình công việc mang tầm chiến lược và quan trọng hơn như đầu tư/mở rộng sản xuất kinh doanh của gia đình và vay vốn đầu tư sản xuất thì vai trò của người vợ với tư cách là người quyết định chính lại thấp hơn đáng kể so với người chồng (10,9% - 37,7% và 12,2% - 19%), nhưng ở mức độ cả hai vợ chồng cùng có quyết định như nhau chiếm tới 68,8%. Có thể nói, quyền ra quyết định liên quan đến việc vay vốn và quyết định mở rộng đầu tư sản xuất, người phụ nữ thường gặp nhiều trở ngại hơn bởi phần lớn họ không phải là người đứng tên sở hữu tài sản có giá trị để đưa ra quyết định trong phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù so với hoạt động kinh tế khác, sự tham gia của phụ nữ với vai trò là người ra quyết định chính có phần hạn chế hơn nhưng ở mức độ đưa ra quyết định từ 4-5 số lượng hoạt động kinh tế của gia đình lại cao hơn so với người chồng. Điều này cho vị thế của người vợ vẫn được khẳng định trong các hoạt động kinh tế hộ gia đình.

Theo số liệu khảo sát, ở xã Tiên Phong và thị trấn Tây Đằng - nơi sinh sống chủ yếu của người Kinh, có tỷ lệ người vợ ra quyết định trong việc phân công công việc sản xuất của hộ gia đình cao hơn người chồng, ngược lại ở xã Ba Vi, tỷ lệ này lại thấp hơn so với tỷ lệ chung tới 9% và thấp hơn đáng kể so với người chồng (10% - 20,2%); tương tự trong hoạt động vay vốn đầu tư sản xuất, nhìn chung người vợ có quyết định nhiều hơn người chồng thể hiện rất rõ ở xã Ba

Vi và thị trấn Tây Đằng, trong khi ở xã Tiên Phong tỷ lệ quyết định nhiều hơn của vợ và chồng gần như ngang nhau trên dưới 20%.

Có thể nói, sự tham gia của người vợ trong quá trình ra quyết định những công việc lớn liên quan đến việc phát triển kinh tế hộ gia đình thông qua tỷ lệ vợ chồng cùng bàn bạc và quyết định đối với một số công việc sản xuất kinh doanh khá cao. Trên dưới 1/2 cặp vợ chồng phần nào phản ánh xu hướng biến đổi từ mô hình quyền quyết định truyền thống chủ yếu do nam giới đã nghiêng sang mô hình bình đẳng có sự tham gia của cả hai vợ chồng hiện đang diễn ra nhiều hơn ở Việt Nam.

6. Một số nhận xét

Trên cơ sở phân tích về mức độ tham gia chủ yếu của phụ nữ ở hầu hết công đoạn của hoạt động sản xuất nông nghiệp cho thấy, phụ nữ đang đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế hộ gia đình. Người vợ tham gia một cách sâu rộng vào hầu hết hoạt động trồng trọt và chăn nuôi khi so sánh ở vai trò là người làm nhiều hơn giữa vợ và chồng về tỷ lệ tham gia và số lượng công việc đảm nhiệm. Điều này phù hợp thực trạng kinh tế hộ gia đình và đặc điểm lực lượng lao động tiềm năng đang diễn ra ở địa bàn nghiên cứu. Phụ nữ chiếm hơn một nửa trong tổng số lực lượng lao động ở cả 3 địa bàn nghiên cứu, và cơ cấu kinh tế hộ gia đình đã có những thay đổi khá căn bản theo xu hướng đa dạng hóa ngành nghề song nông nghiệp vẫn là một hoạt động sản xuất quan trọng mang lại thu nhập chủ yếu cho đa số hộ gia đình.

So với hoạt động nông nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ có tỷ trọng thấp hơn trong cơ cấu kinh tế hộ gia đình. Trong hoạt động này, nhìn chung vai trò tham gia làm nhiều hơn của người chồng có xu hướng thể hiện rõ hơn so với người

vợ, nhưng ở lĩnh vực buôn bán nhỏ, dịch vụ ăn uống, phụ nữ lại giữ vai trò chủ yếu. Mặc dù vai trò của phụ nữ ở hoạt động kinh doanh, dịch vụ có phần hạn chế hơn so với vai trò của họ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhưng trên thực tế mức độ hai vợ chồng làm như nhau khá cao cho thấy vai trò của người vợ trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ hoàn toàn không nhỏ so với người chồng.

Phụ nữ không chỉ là một lực lượng lao động chủ lực, tham gia sâu rộng vào hoạt động kinh tế, mà còn là người đóng góp thu nhập chính vào kinh tế hộ gia đình. Bên cạnh đó, phụ nữ còn tham gia vào việc tổ chức quản lý điều hành kinh tế hộ gia đình thể hiện rất rõ qua tỷ lệ phụ nữ quản lý kinh tế và ra quyết định các hoạt động kinh tế của hộ gia đình. Ngoài ra, phụ nữ cũng là người nắm giữ vai trò quan trọng trong khâu phân phối sản phẩm và đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động quản lý, thu chi của hoạt động nông nghiệp.

Tóm lại, sự tham gia tích cực của phụ nữ ở hầu hết hoạt động kinh tế của hộ gia đình từ nông nghiệp, kinh doanh dịch vụ cho tới công việc liên quan đến quản lý tài chính đã khẳng định vai trò của phụ nữ cùng với các thành viên khác của gia đình vào quá trình phát triển kinh tế hộ gia đình. Là lực lượng đông đảo nhất trong cơ cấu dân cư, cơ cấu lao động ở nông thôn, phụ nữ Ba Vì đang từng bước khẳng định khả năng tham gia của mình cả trong hoạt động kinh tế nông nghiệp và phi nông nghiệp. Điều này giúp họ có cơ hội tiếp cận với việc làm phi nông nghiệp, đồng thời tạo điều kiện cho phụ nữ có sự độc lập về kinh tế và nâng cao vị thế vai trò của họ trong gia đình □

Tài liệu tham khảo

1. Hồng Lịch (2015), *Công nghiệp - Tiêu thụ công nghiệp huyện Ba Vì, bức tranh kinh tế đa màu*, <http://bavi.hanoi.gov.vn/kinh-te/-/news/U0gH3DctjxqJ/411911.html>
2. Randall Collins R. and Scott C. (1991), *Sociology of Marriage and the Family: Gender, Love, and Property*. 3rd ed, Nelson Hall, New York.
3. Tổng cục Thống kê (2015), *Niên giám thống kê huyện Ba Vì 2015*, Nxb. Thống kê Thành phố Hà Nội.
4. UBND xã Ba Vì, huyện Ba Vì, Hà Nội (2015), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2015, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2016*.
5. UBND thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, Hà Nội (2015), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2015, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2016*.
6. UBND xã Tiên Phong, huyện Ba Vì, Hà Nội (2015), *Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 2015, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2016*.
7. Lê Ngọc Văn (2014), “Nghiên cứu xã hội học về giá trị gia đình: Mấy vấn đề lý luận và phương pháp luận”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4.
8. Mai Thị Thanh Xuân, Đặng Thị Thu Hiền (2013), “Phát triển kinh tế hộ gia đình ở Việt Nam”, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh, tập 29, số 3 (2013) 1-9.